

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 20/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp G, thị trấn H, huyện I, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh B, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp G, thị trấn H, huyện I, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa : Chị A và anh B (Giấy chứng nhận kết hôn số 109/2014, quyển số 01/2014, cấp ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thị trấn G1, huyện H).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị A và anh B thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị A và anh B thỏa thuận thống nhất giao cháu C, sinh ngày 03/5/2016 cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao các cháu D, sinh ngày 03/5/2016 và cháu E, sinh ngày 15/9/2012 cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu C đang sống chung

với chị A, các cháu D và E đang sống chung với anh B. Chị A và anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng: Chị A và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị A và anh B đều không có yêu cầu.

2.4. Về tài sản: Chị A và anh B xác định vợ chồng chung sống với nhau không có tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được giảm 50% do hòa giải thành là 150.000 đồng. Chị A và anh B thỏa thuận thống nhất là chị A chịu toàn bộ số tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013377 ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Bạc Liêu; chị A được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự ;
- VKSND huyện I;
- UBND thị trấn G1;
- Chi cục THADS huyện I;
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Nguyễn Hoàng Tính